

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK MIL  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/DS-ST.

Ngày: 18/6/2021.

*Về việc “Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Ngọc Thanh;

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Sỹ Phác và ông Nguyễn Duy Chấn;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Kim Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa:**

Ông Phạm Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 18/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 370/2020/TLST-DS ngày 25/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-DS ngày 23/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐXX-ST ngày 18/5/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng C

Địa chỉ trụ sở chính: 266-268, đường N, phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Minh N– Chức vụ: Trưởng Phòng giao dịch Đăk Mil – Sacombank Đăk Nông (giấy ủy quyền số 4001/2019/GUQ-PL ngày 16-12-2019);

*Người đại diện theo ủy quyền lại:* Ông Nguyễn Văn Th - Chức vụ: Phó Phòng giao dịch Tiềm năng Đăk Mil, phụ trách Kinh doanh (theo giấy ủy quyền số 03D/2020/GUQ-PGDĐM ngày 02-01-2020);

Địa chỉ: Số 61 Nguyễn Tất Thành, thị trấn Đăk Mil, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

**- Bị đơn:** Ông Phạm Văn S – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Bà Nguyễn Thị T – Vắng mặt, (đã tổng đạt hợp lệ lần 2);

Địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2020, lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Vào ngày 08/3/2018, giữa Ngân hàng C với ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị T có ký hợp đồng tín dụng số 463/18/HDCTD vay số tiền 400.000.000 đồng và hợp đồng cho vay số LD1806700044 ngày 08/3/2018. Thời hạn vay là 36 tháng, hạn trả nợ là ngày 08/3/2021. Lãi suất cho vay 03 tháng đầu tiên là 12%/tháng, Kể từ tháng thứ 04 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Ngân hàng điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ 13 tháng, lãnh lãi cuối kỳ VNĐ + biên độ 5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần phù hợp với quy định của ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay nhưng không được thấp hơn lãi suất ban đầu; lãi phạt chậm trả vốn 150% lãi suất hợp đồng tín dụng; phạt chậm trả lãi là 10%/năm; ông S và bà T đã thanh toán được 50.000.000 đồng tiền gốc.

Đến ngày 05/3/2019, ông S và bà T đã ký giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ với Ngân hàng C số LD1906400678, vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 05/3/2020, lãi suất tháng đầu tiên là 17,5%/năm. Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 02 kể từ ngày nhận nợ trở đi, lãi suất của khoản vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank + (cộng) biên độ 10,6%/năm và được Sacombank quyết định điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Thời hạn trả nợ kỳ 01, ngày 05/9/2019 ông S và bà T phải có nghĩa vụ trả số tiền 1.000.000 đồng, ngày 05/3/2020 trả số tiền 49.000.000 đồng, hình thức giải ngân là chuyển khoản vào số tài khoản 050056387983 mang tên bà T; ông S và bà T đã thanh toán được 1.000.000 đồng tiền gốc.

Về tài sản đảm bảo cho khoản vay 400.000.000 đồng: Ngân hàng C với ông S và bà T đã ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 221/17/TC ngày 06/3/2017 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/17/TC ngày 08/3/2018 là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BY 061948, thửa đất số 197, tờ bản đồ số 69, diện tích 13.489m<sup>2</sup>, do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 08-10-2015; đất tọa lạc tại xã thôn Đ, xã G, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đứng tên hộ ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị T. Hợp đồng thế chấp đã được chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Quá trình thực hiện hợp đồng, khi đến hạn thanh toán thì ông S và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cố tình vi phạm hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết, buộc ông S và bà T phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát S liên quan theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày

xét xử sơ thẩm (ngày 18/6/2021) là 541.545..258 đồng, cụ thể: Theo hợp đồng cho vay số LD1806700044, ký ngày 08/3/2018 số tiền gốc 350.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 101.934.725 đồng, tiền lãi quá hạn 12.485.377 đồng và tiền lãi chậm trả 6.704.436 đồng. Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1906400678, ký ngày 05/3/2019 số tiền gốc 49.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 15.336.871 đồng, tiền lãi quá hạn 5.532.637 đồng và tiền lãi chậm trả 551.212 đồng.

Buộc ông S và bà T phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp bị đơn không thực hiện đúng việc trả nợ thì yêu cầu Tòa án cho kê biên, phát mãi các tài sản của ông S và bà Tinh để thu hồi nợ.

- *Bị đơn ông Phạm Văn S trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Ông thừa nhận, ngày 08-3-2018 và ngày 05/3/2019, giữa Ngân hàng Sacombank với ông S và bà T đã ký Hợp đồng cấp tín dụng số 463/18/HDCTD theo hợp đồng cho vay số LD1806700044 và giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1906400678. Theo đó, Ngân hàng Sacombank đồng ý cho ông S và bà T vay tổng số tiền là 450.000.000 đồng; thời hạn vay, lãi suất, thời hạn trả nợ và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BY 061948, thửa đất số 197, tờ bản đồ số 69, diện tích 13.489m<sup>2</sup>, do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 08-10-2015 đứng tên hộ ông S và bà T; đất tọa lạc tại xã thôn Đ, xã G, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định như Ngân hàng Sacombank đã trình bày là đúng sự thật.

Tuy nhiên, sau khi vay vợ chồng tôi không có khả năng trả nợ theo thỏa thuận, hiện tại vợ tôi đang đi làm ăn xa để lo cho các con, nên không thể có điều kiện thanh toán cho Ngân hàng Sacombank một lần theo đơn khởi kiện được. Nguyên vọng của chúng tôi mong muốn Ngân hàng Sacombank tạo điều kiện cho phép vợ chồng tôi trả nợ dần trong thời gian tới. Trường hợp không trả được nợ, chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết để Ngân hàng xử lý tài sản đã thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị T:* Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người được ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông S và bà T phải thanh toán nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả cho Ngân hàng C đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/6/2021) là 541.545..258 đồng; buộc bị đơn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận cho đến khi trả xong toàn bộ nợ, trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn, ông S (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), bà T đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn,

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 157 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 317, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông S và bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C số tiền 541.545.258 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/6/2021) và toàn bộ lãi suất phát S theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp ông S và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng C có quyền đề nghị xử lý tài sản thế chấp. Buộc ông S và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã G, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bà T đã được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập nhiều lần (ông S nhận văn bản thay bà T, cam kết giao lại cho bà T) nhưng bà T vẫn không đến Tòa án làm việc; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về hợp đồng tín dụng: Ông T, bà S vay vốn tại Ngân hàng C theo Hợp đồng tín dụng số 463/18/HDCTD vay số tiền 400.000.000 đồng và hợp

đồng cho vay số LD1806700044 ngày 08/3/2018. Thời hạn vay là 36 tháng, hạn trả nợ là ngày 08/3/2021. Lãi suất cho vay 03 tháng đầu tiên là 12%/tháng, Kể từ tháng thứ 04 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Ngân hàng điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ 13 tháng, lãnh lãi cuối kỳ VNĐ + biên độ 5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần phù hợp với quy định của ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay nhưng không được thấp hơn lãi suất ban đầu; lãi phạt chậm trả vốn 150% lãi suất hợp đồng tín dụng; phạt chậm trả lãi là 10%/năm; ông S và bà T đã thanh toán được 50.000.000 đồng tiền gốc.

Ngày 05/3/2019, ông S và bà T tiếp tục ký giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ với Ngân hàng C số LD1906400678, vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 05/3/2020, lãi suất tháng đầu tiên là 17,5%/năm. Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 02 kể từ ngày nhận nợ trở đi, lãi suất của khoản vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank + (cộng) biên độ 10,6%/năm và được Sacombank quyết định điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Thời hạn trả nợ kỳ 01, ngày 05/9/2019 ông S và bà T phải có nghĩa vụ trả số tiền 1.000.000 đồng, ngày 05/3/2020 trả số tiền 49.000.000 đồng, hình thức giải ngân là chuyển khoản vào số tài khoản 050056387983 mang tên bà T; ông S và bà T đã thanh toán được 1.000.000 đồng tiền gốc.. Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng ông S và bà T không trả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng được ký kết giữa 02 bên là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S và bà T phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc của 02 Hợp đồng tín dụng là 350.000.000 đồng + 49.000.000 đồng = 399.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả giữa Ngân hàng với ông S và bà T theo hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/6/2021), cụ thể: Theo hợp đồng cho vay số LD1806700044, ký ngày 08/3/2018 số tiền gốc 350.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 101.934.725 đồng, tiền lãi quá hạn 12.485.377 đồng và tiền lãi chậm trả 6.704.436 đồng. Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1906400678, ký ngày 05/3/2019 số tiền gốc 49.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 15.336.871 đồng, tiền lãi quá hạn 5.532.637 đồng và tiền lãi chậm trả 551.212 đồng. Ông S và bà T phải tiếp tục phải tiếp tục chịu tiền lãi

phát S theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ kể từ ngày 19/6/2021 cho đến khi trả xong nợ.

[2.3]. Đối với tài sản thế chấp:

[2.3.1] Hiệu lực của hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay 400.000.000 đồng thì giữa Ngân hàng C với ông S và bà T đã ký hợp đồng thế chấp bất động sản số 221/17/TC ngày 06/3/2017 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/17/TC ngày 08/3/2018 là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BY 061948, thửa đất số 197, tờ bản đồ số 69, diện tích 13.489m<sup>2</sup>, do Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông cấp ngày 08-10-2015; đất tọa lạc tại xã thôn Đ, xã G, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông đứng tên hộ ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị T cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát S từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 463/18/HDCTD, ngày 08/3/2018. Xét thấy, hợp đồng thế chấp được lập đúng hình thức, nội dung và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[2.3.2]. Về xử lý tài sản thế chấp: Tại Điều 3 của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, các bên thỏa thuận về các trường hợp Ngân hàng C được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong đó xác định rõ “ *Bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ được quy định tại hợp đồng tín dụng...* ”. Như vậy, nếu ông S và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng ủy quyền, các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, các văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông S và bà T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng C 4.000.000 đồng do Ngân hàng đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông S và bà Tinh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đăng ký biên pháp bảo đảm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên sử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” đối với bị đơn ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng C tổng số tiền tính đến ngày ngày 18/6/2021 là 541.545.258 đồng, trong đó: Theo hợp đồng cho vay số LD1806700044, ký ngày 08/3/2018 số tiền gốc 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), tiền lãi trong hạn 101.934.725 đồng (*Một trăm linh một triệu, chín trăm ba mươi tư nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng*), tiền lãi quá hạn 12.485.377 đồng (*Mười hai triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm bảy mươi bảy đồng*) và tiền lãi chậm trả 6.704.436 đồng (*Sáu triệu, bảy trăm linh bốn nghìn, bốn trăm ba mươi sáu đồng*). Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1906400678, ký ngày 05/3/2019 số tiền gốc 49.000.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu đồng*), tiền lãi trong hạn 15.336.871 đồng (*Mười lăm triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi một đồng*), tiền lãi quá hạn 5.532.637 đồng (*Năm triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn, sáu trăm ba mươi bảy đồng*) và tiền lãi chậm trả 551.212 đồng (*năm trăm năm mươi một nghìn, hai trăm mười hai đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/6/2021) ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát S theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng C có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BY 061948, thửa đất số 197, tờ bản đồ số 69, diện tích 13.489m<sup>2</sup>, do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 08-10-2015; đất tọa lạc tại xã thôn Đ, xã G, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đứng tên hộ ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị T cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát S từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 463/18/HDCTD, ký ngày 08/3/2018.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả cho Ngân hàng C số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị T phải chịu 25.662.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.811.000 đồng (*Mười một triệu, tám trăm mười một nghìn đồng*) theo biên lai số 0003729 ngày 19/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký và đóng dấu)*

**Trương Ngọc Thanh**